

Số: 54 /QĐ-ĐHCNQ

Quảng Ninh, ngày 04 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

*V/v cấp học bổng khuyến khích học tập
học kỳ 1 năm học 2018- 2019 cho sinh viên*

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 28/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định về Học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 4361/QĐ-BCT ngày 16/05/2014 của Bộ Công Thương quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Theo danh sách sinh viên được xét cấp học bổng khuyến khích học tập của khoa Điện;
Xét đề nghị của ông trưởng phòng Công tác Học sinh sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ 1 năm học 2018 - 2019 cho 33 sinh viên khoa Điện (Có danh sách chi tiết kèm theo).

Số tiền: 157.361.000 đồng

(Bằng chữ: Một trăm năm mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi một nghìn đồng chẵn).

Điều 2. Trưởng các đơn vị: TC- KT, Đào tạo, CTHSSV, Điện và 33 sinh viên có tên căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Giám hiệu;
- Như điều 2;
- Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên;
- Lưu: VT, CTHSSV.



TS. Hoàng Hùng Thắng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC XÉT CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2018 - 2019

KHOA ĐIỆN

(Kèm theo Quyết định số: ... 5.4.../QĐ - ĐHCNQN, ngày 04 tháng 4 năm 2019)

DVT: đồng

STT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Lớp	Kết quả			Số TC	Mức HB KKHT		Thành tiền	Ký nhận	Ghi chú
				ĐTBHT	Rèn luyện	Xếp loại HB		Số tiền/ tín chỉ /tháng	Hệ số HB			
1	2	3	4	5	6	7	8=5x6x7	9	10			
I: ĐẠI HỌC												
1. Đại học K8 và LT ĐH K10												
1	CQ08DH0132	Lê Đức Trung	TĐH K8	8,46	Xuất sắc	Giỏi	18	230.000	1,2	4.968.000		
2	CQ08DH0220	Nguyễn Thị Thuý Lan	KTĐ 8B	8,3	Xuất sắc	Giỏi	16	230.000	1,2	4.416.000		
3	CQ08DH0186	Chu Thị Nhung	KTĐ 8B	8,22	Xuất sắc	Giỏi	18	230.000	1,2	4.968.000		
4	CQ08DH0213	Phạm Thái Hưng	KTĐ 8A	8,03	Xuất sắc	Giỏi	16	230.000	1,2	4.416.000		
5	CQ08DH0219	Triệu Quý Điền	KTĐ 8B	8,02	Xuất sắc	Giỏi	18	230.000	1,2	4.968.000		
6	CQ08DH0183	Nguyễn Đức Cảnh	KTĐ 8A	7,99	Xuất sắc	Khá	18	230.000	1,0	4.140.000		
7	CQ08DH0124	Bùi Văn Hoàng	TĐH K8	7,84	Tốt	Khá	18	230.000	1,0	4.140.000		
8	CQ08DH0114	Vy Văn Cường	TĐH K8	7,8	Tốt	Khá	18	230.000	1,0	4.140.000		
9	CQ08DH0271	Nguyễn Đức Phụng	TĐH K8	7,77	Tốt	Khá	18	230.000	1,0	4.140.000		
10	CQ08DH0221	Vũ Trung Kiên	KTĐ 8B	7,74	Tốt	Khá	19	230.000	1,0	4.370.000		
11	CQ08DH0273	Bùi Ngọc Tuấn	ĐT K8	7,72	Tốt	Khá	23	230.000	1,0	5.290.000		
12	CQ08DH0279	Nguyễn Văn Hưng	CĐM K8	7,69	Tốt	Khá	21	230.000	1,0	4.830.000		
13	CQ08DH0134	Nguyễn Phú Quang	KTĐ 8A	7,63	Tốt	Khá	16	230.000	1,0	3.680.000		
14	CQ08DH0391	Nguyễn Hữu Nhiệm	KTĐ 8B	7,63	Xuất sắc	Khá	16	230.000	1,0	3.680.000		
15	LTLA10DH04	Panyavong Anouluck	LT TĐH K10	7,51	Xuất sắc	Khá	16	270.000	1,0	4.320.000		

STT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Lớp	Kết quả			Số TC	Mức HB KKHT		Thành tiền	Ký nhận	Ghi chú
				ĐTBHKT	Rèn luyện	Xếp loại HB		Số tiền/ tín chỉ /tháng	Hệ số HB			
		Cộng								66.466.000		

2. Đại học K9 và LTK11

15	CQ09DH0131	Hoàng Minh Việt	KTĐ K9	8,27	Xuất sắc	Giỏi	16	256.000	1,2	4.915.200		
16	CQ09DH0133	Nguyễn Bắc Nam	CĐM K9	7,77	Xuất sắc	Khá	18	256.000	1,0	4.608.000		
17	CQ09DH0018	Lê Công Mạnh	TĐH K9	7,66	Xuất sắc	Khá	17	256.000	1,0	4.352.000		
18	CQ09DH0058	Nguyễn Việt Cường	CĐM K9	7,49	Xuất sắc	Khá	16	256.000	1,0	4.096.000		
19	CQ09DH0071	Vũ Minh Hải	ĐT K9	7,44	Tốt	Khá	17	256.000	1,0	4.352.000		
20	CQ09DH0111	Tiêu Linh Sơn	KTĐ K9	7,32	Tốt	Khá	16	256.000	1,0	4.096.000		
21	CQ09DH0114	Bùi Vũ Tài	ĐT K9	7,29	Tốt	Khá	17	256.000	1,0	4.352.000		
22	CQ09DH0064	Bùi Văn Đại	KTĐ K9	7,29	Tốt	Khá	16	256.000	1,0	4.096.000		
23	CQ09DH0074	Nguyễn Văn Hoan	KTĐ K9	7,19	Tốt	Khá	16	256.000	1,0	4.096.000		
24	CQ09DH0096	Lê Văn Nam	KTĐ K9	7,15	Tốt	Khá	16	256.000	1,0	4.096.000		
		Cộng								43.059.200		

3. Đại học K10

25	CQ10DH0156	Đoàn Thị Quế	TĐH K10	7,81	Xuất sắc	Khá	21	282.000	1,0	5.922.000		
26	CQ10DH0160	Nguyễn Trường Giang	KTĐ K10	7,77	Tốt	Khá	18	282.000	1,0	5.076.000		
27	CQ10DH0075	Cao Trung Kiên	KTĐ K10	7,73	Xuất sắc	Khá	18	282.000	1,0	5.076.000		
28	CQ10DH0074	Trần Trung Toàn	TĐH K10	7,68	Tốt	Khá	21	282.000	1,0	5.922.000		
29	CQ10DH0036	Hà Văn Huy	KTĐ K10	7,64	Tốt	Khá	18	282.000	1,0	5.076.000		
30	CQ10DH0050	Nguyễn Văn Dương	KTĐ K10	7,57	Tốt	Khá	18	282.000	1,0	5.076.000		
31	CQ10DH0018	Đỗ Minh Hiếu	TĐH K10	7,53	Tốt	Khá	21	282.000	1,0	5.922.000		
		Cộng								38.070.000		
		Tổng cộng ĐH								147.595.200		

STT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Lớp	Kết quả			Số TC	Mức HB KKHT		Thành tiền	Ký nhận	Ghi chú
				ĐTBHT	Rèn luyện	Xếp loại HB		Số tiền/ tín chỉ /tháng	Hệ số HB			
II: CAO ĐẲNG												
1. Cao đẳng K26												
32	CQ26CD0011	Trần Quốc Quân	KTĐ K26	8,2	Xuất sắc	Giỏi	23	193.000	1,2	5.326.800		
33	CQ26CD0007	Lương Viết Hoàng	KTĐ K26	7,45	Tốt	Khá	23	193.000	1,0	4.439.000		
		Tổng cộng CĐ								9.765.800		
		Tổng cộng (I + II)								157.361.000		

(Bằng chữ: Một trăm năm mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi một nghìn đồng chẵn)



HIỆU TRƯỞNG

 TS. Hoàng Hùng Thắng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



 Cát Thị Thu Hường

TP. CÔNG TÁC HSSV



 Nguyễn Mạnh Cường

KHOA ĐIỆN



 Trần Hữu Phúc